

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUAN HỆ CÔNG CHÚNG**

(Ban hành theo Quyết định số 510 /QĐ-SIU ngày 12 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tư thực Quốc tế Sài Gòn)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo:

Tên chương trình đào tạo:	QUAN HỆ CÔNG CHÚNG
Trình độ đào tạo:	Đại học
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Ngành đào tạo: (Tên tiếng Việt)	Quan hệ công chúng
(Tên tiếng Anh)	Public Relations
Mã ngành:	7320108
Chuyên ngành đào tạo:	
Tên gọi văn bằng:	Cử nhân Quan hệ công chúng
Khối lượng kiến thức toàn khóa:	121 tín chỉ
Thời gian đào tạo:	3.5 năm
Tiêu chí tuyển sinh:	

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tư thực Quốc tế Sài Gòn.

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), theo tiêu chuẩn tuyển sinh của Bộ Giáo dục Đào tạo và tiêu chí tuyển sinh của Đại học Tư thực Quốc tế Sài Gòn.

Hình thức tuyển sinh: Cập nhật hằng năm theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Tư thực Quốc tế Sài Gòn. Đồng thời căn cứ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường.

Thang điểm đánh giá: 10

Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Tư thực Quốc tế Sài Gòn.

Vị trí việc làm:

Cử nhân Ngành Quan hệ công chúng có khả năng làm việc tại các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức tài chính - ngân hàng, quỹ đầu tư,... với những chức danh như: chuyên gia về quan hệ với các hệ thống truyền thông; cán bộ hoạch định chiến lược quan hệ công chúng; chuyên gia truyền thông nội bộ và đối ngoại, chuyên gia về thông tin công cộng; chuyên viên gây quỹ và phát triển cộng đồng; có thể trở thành giám đốc truyền thông quan hệ công chúng, cán bộ nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo về kinh tế - xã hội, quản lý và quản trị kinh doanh.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ:

Sinh viên tốt nghiệp Ngành Quan hệ công chúng có thể tiếp tục học lên cao học và nghiên cứu ở các học viện, trường đại học trong và ngoài nước về ngành Quan hệ công chúng.

Chương trình tham khảo khi xây dựng:

STT	Chương trình tham khảo	Tên trường đại học
1	Quan hệ công chúng	Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam
2	Quan hệ công chúng	Đại học Văn Lang, Việt Nam
3	Quan hệ công chúng	Bina Nusantara University (BINUS), Indonesia
4	Quan hệ công chúng	University of Northern Iowa (UNI), USA

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo (Programme Objectives - POs):

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Quan hệ công chúng (PR) có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản lý, quản trị doanh nghiệp; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Quan hệ công chúng; có khả năng làm việc độc lập, thích ứng với các nhiệm vụ cụ thể thuộc chức năng Quan hệ công chúng, có năng lực tự học tập, nghiên cứu bồi dưỡng nâng cao trình độ.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- **PO1:** Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, triết học, chính trị và pháp luật vào trong lĩnh vực Quan hệ công chúng.
- **PO2:** Có kiến thức chuyên ngành tốt để phân tích, dự báo, đánh giá, lập kế hoạch và thực thi công việc thuộc chức năng Quan hệ công chúng trong bối cảnh toàn cầu hóa.
- **PO3:** Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, biết phát hiện, giải quyết vấn đề và ra quyết định.

- **PO4:** Sử dụng thành thạo tiếng Anh và tin học trong hoạt động chuyên môn, nghiên cứu và cuộc sống.
- **PO5:** Tôn trọng pháp luật, chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước, có ý thức trách nhiệm với xã hội.
- **PO6:** Có đạo đức nghề nghiệp, tự tin, chủ động, tác phong làm việc chuyên nghiệp.

3. Chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - PLOs):

Nhóm các PLOs	Nội dung chuẩn đầu ra
Kiến thức	<p>PLO1: Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, triết học, chính trị và pháp luật vào trong lĩnh vực Quan hệ công chúng.</p> <p>PLO2: Diễn giải các kiến thức cơ bản về marketing, kinh tế, quản trị, truyền thông, quan hệ công chúng và các khía cạnh khác thuộc chức năng của quan hệ công chúng trong doanh nghiệp, tổ chức.</p> <p>PLO3: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về quan hệ công chúng vào công việc hoạch định chiến lược và lập kế hoạch.</p>
Kỹ năng	<p>PLO4: Tổ chức công việc và giải quyết vấn đề hiệu quả.</p> <p>PLO5: Thực hành giao tiếp hiệu quả trong đời sống xã hội và trong môi trường làm việc đa văn hóa.</p> <p>PLO6: Sử dụng thành thạo tiếng Anh và tin học trong hoạt động chuyên môn, nghiên cứu và cuộc sống.</p>
Mức tự chủ và trách nhiệm	<p>PLO7: Ý thức học tập suốt đời, năng động sáng tạo và tinh thần cầu tiến, tổ chức làm việc nhóm hiệu quả.</p> <p>PLO8: Tôn trọng các chuẩn mực xã hội và tiêu chuẩn nghề nghiệp, thực hành đúng trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>PLO9: Đặt vấn đề, đưa ý tưởng, lập kế hoạch, triển khai và phối hợp thực hiện; tổng hợp, báo cáo, đánh giá và đề xuất cải tiến trong nghề nghiệp.</p>

4. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo								
	Kiến thức			Kỹ năng			Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
PO1	x			x			x		
PO2		x	x		x	x		x	
PO3	x			x	x	x			x
PO4					x	x	x		
PO5	x	x	x	x			x	x	x
PO6		x	x		x	x	x	x	x

5. Phương pháp giảng dạy và học tập:

5.1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích
Phương thức giảng dạy trực tiếp	Giảng dạy những nội dung cơ bản, chính thức của môn học theo nội dung chi tiết trình bày, đồng thời cung cấp và hướng dẫn sinh viên tìm kiếm các tài liệu học tập cũng như cung cấp cho sinh viên tài liệu tham khảo.
Tổ chức thảo luận, sửa bài tập, bày tỏ quan điểm, theo các nội dung đã yêu cầu chuẩn bị	Khuyến khích sinh viên thể hiện quan điểm cá nhân, nâng cao tinh thần chủ động trong học tập, tích cực, năng động và tự tìm tòi thêm kiến thức.
Tham quan thực tập thực tế	Giúp sinh viên tiếp cận công việc thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp sau khi đã được học kiến thức chuyên ngành.

5.2. Phương pháp học

Phương pháp học tập	Mục đích
Nghe giảng trên lớp	Giảng dạy những nội dung cơ bản, chính thức của môn học theo nội dung chi tiết trình bày,

Phương pháp học tập	Mục đích
	đồng thời cung cấp và hướng dẫn sinh viên tìm kiếm các tài liệu học tập cũng như cung cấp cho sinh viên tài liệu tham khảo.
Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo giảng viên cung cấp trước khi đến lớp và chuẩn bị các nội dung cần thiết theo yêu cầu của giảng viên.	Nắm trước được nội dung bài học.
Thảo luận nhóm, tương tác với giảng viên trên lớp.	Rèn luyện tư duy phản biện, nêu ý kiến của bản thân, chủ động và sáng tạo trong học tập.
Làm bài tập thực hành trên lớp và bài tập về nhà theo hướng dẫn của giảng viên.	Củng cố kiến thức đã học.
Tham quan thực tập thực tế	Giúp sinh viên tiếp cận công việc thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp sau khi đã được học kiến thức chuyên ngành.

6. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập:

Điểm thành phần	Hình thức đánh giá	Trọng số
Quá trình	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên cần. - Tham gia hoạt động tại lớp, bài kiểm tra cá nhân hoặc nhóm. 	20%
Giữa kỳ	<ul style="list-style-type: none"> - Bài kiểm tra trên lớp, lý thuyết, thực hành, vấn đáp, bài tiểu luận, bài tập lớp,... - Điểm kiểm tra thực hành. 	30%
Kết thúc học phần	<ul style="list-style-type: none"> - Bài thi (lý thuyết, trắc nghiệm), thời gian làm bài: 60 hoặc 90 phút; hoặc - Thi vấn đáp; hoặc - Làm đồ án môn học. 	50%

7. Mô tả chương trình dạy học:

7.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 121 tín chỉ (Không kể các kiến thức Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và an ninh).

Bảng phân bố các khối kiến thức:

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỉ lệ %
1. Kiến thức giáo dục đại cương		47	38.8%
1.1.	Lý luận chính trị	11	9.1%
1.2.	Khoa học – Văn hóa	17	14.0%
1.3.	Tiếng Anh	13	10.7%
1.4.	Tin học	6	5.0%
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		64	52.9%
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	17	14.0%
2.2.	Kiến thức chuyên ngành	47	38.9%
3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp		10	8.3%
3.1.	Thực tập tốt nghiệp	3	2.5%
3.2.	Khóa luận tốt nghiệp	7	5.8%
Tổng cộng:		121	100%

7.2. Danh sách các môn học:

STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
I.KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				47					
I.1. Lý luận chính trị				11					
I.1.01	2GEN0011	Triết học Mác - Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	3	45			105	
I.1.02	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Political Economics of Marxism and Leninism	2	30			70	2GEN0011 (HT)
I.1.03	2GEN0013	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	30			70	2GEN0012 (HT)
I.1.04	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	2	30			70	2GEN0013 (HT)
I.1.05	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of The Communist Party of Vietnam	2	30			70	2GEN0007 (HT)
I.2. Khoa học – Văn hóa				17					
Bắt buộc				13					
I.2.01	2ENG11491	Viết luận Anh	English Composition	3	45			105	

STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
I.2.02	2GEN0008	Pháp luật đại cương	General Laws	2	30			70	
I.2.03	2PR1201	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Fundamentals of Vietnamese Culture	2	30			70	
I.2.04	2PR2202	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Scientific Research Methods	2	30			70	
I.2.05	2PR2203	Xã hội học đại cương	Introduction to Sociology	2	30			70	
I.2.06	2PR3204	Môi trường và con người	Environment and Human	2	30			70	
Tự chọn				4					
I.2.07	2PR1205	Các vấn đề xã hội đương đại	Social Issues in Today's Society	2	30			70	
I.2.08	2PR1206	Giao tiếp đa văn hóa	Cross-Cultural Communication	2	30			70	
I.2.09	2PR1207	Kinh tế học đại cương	Introduction to Economics	2	30			70	
I.2.10	2PR2208	Mỹ học đại cương	Introduction to Aesthetics	2	30			70	
I.2.11	2PR2209	Tâm lý học đại cương	General Psychology	2	30			70	
I.2.12	2PR2210	Tiếng Việt thực hành	Vietnamese Language	2	30			70	
I.3. Ngoại ngữ				13				30	
I.3.01	2LAN22404	English Proficiency 1	English Proficiency 1	4	30	60		70	
I.3.02	2LAN22505	English Proficiency 2	English Proficiency 2	4	30	60		70	2LAN22404 (HT)
I.3.03	2LAN22606	English Proficiency 3	English Proficiency 3	5	60	30			2LAN22505 (HT)
I.4. Tin học				6					
I.4.01	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh	Image Processing Tools	2	15	30			
I.4.02	2GEN2097	Công cụ quản lý dự án	Project Management Tools	2	15	30			
I.4.03	2GEN3098	Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu	Data Analytics and Visualization Tools	2	15	30			
II.KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				74					
II.1. Kiến thức cơ sở ngành				17					
II.1.01	2PR1311	Nhập môn Truyền thông	Introduction to Communications	3	45			105	
II.1.02	2PR1312	Marketing cơ bản	Fundamentals of Marketing	3	45			105	
II.1.03	2PR2313	Nhập môn Quan hệ công chúng	Introduction to Public Relations	3	45			105	
II.1.04	2PR2314	Đạo đức và pháp luật nghề nghiệp	Professional Ethics and Law of PR	3	45			105	
II.1.05	2PR3315	Quản trị học	Fundamentals of Management	3	45			105	

STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
II.1.06	2PR3216	Văn hóa doanh nghiệp	Corporate Culture	2	30			70	
II.2. Kiến thức chuyên ngành				47					
Bắt buộc				39					
II.2.01	2PR2317	Giao tiếp trong quan hệ công chúng	Communication Skill for PR	3	45			105	
II.2.02	2PR3318	PR nội bộ và cộng đồng	PR in-house and PR mass	3	45			105	
II.2.03	2PR3319	Kỹ năng viết trong Quan hệ công chúng	Writing Skill for PR	3	45			105	
II.2.04	2PR4320	Phân tích dữ liệu truyền thông	Media Data Analysis	3	45			105	
II.2.05	2PR4321	Photoshop	Photoshop	3	45			105	
II.2.06	2PR4322	Nhiếp ảnh và quay phim	Photography and Movies	3	45			105	
II.2.07	2PR5323	Phòng vấn và trả lời phỏng vấn	Communication skills Interview Questions and Answer	3	45			105	
II.2.08	2PR5324	Sản xuất chương trình phát thanh và truyền hình	Production of radio-television programs	3	45			105	
II.2.09	2PR5325	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	PR Project Management	3	45			105	
II.2.10	2PR6326	Tổ chức sự kiện và lễ hội	Events and Festivals Planning	3	45			105	
II.2.11	2PR6327	Quảng cáo	Advertisement	3	45			105	
II.2.12	2PR6328	Xây dựng và quản trị thương hiệu	Brand & Brand management	3	45			105	
II.2.13	2PR7329	Quản trị khủng hoảng truyền thông	Communication Crisis Management	3	45			105	
Tự chọn				8					
II.2.14	2PR6330	Nghệ thuật đàm phán và thương lượng	Negotiation Skill	3	45			105	
II.2.15	2PR7331	Truyền thông số	Digital Media	3	45			105	
II.2.16	2PR7332	Truyền thông doanh nghiệp	Corporate Communication	3	45			105	
II.2.17	2PR7233	Trình bày sản phẩm truyền thông	Communication Products	2	30			70	
II.2.18	2PR7234	Dẫn chương trình	Master ceremonies	2	30			70	
II.2.19	2PR7235	Nghệ thuật ngoại giao	Diplomatic Protocol and Etiquette	2	30			70	

STT	Mã HP	Tên môn học		Số TC	Phân bổ số giờ tín chỉ				Mã học phần tiên quyết (TQ)/ học trước (HT)
		Tiếng Việt	Tiếng Anh		Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
II.3. Thực tập và khoá luận tốt nghiệp				10					
II.3.01	2CTS8331	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	3	3	45		105	
II.3.02	2CTS8749	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	7	7	105		245	
III. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, GIÁO DỤC THỂ CHẤT (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)				16					
Bắt buộc, không tích lũy				16					
III.1.01	2GEN0001	Giáo dục quốc phòng và An ninh	National Defense and Security Education	11					
III.1.02	2GEN0002	Giáo dục thể chất	Physical Education	5		150		100	

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án;
- Một giờ học được tính bằng 50 phút.

8. Ma trận đáp ứng của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra:

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
I. KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG									
Lý luận chính trị									
Triết học Mác – Lênin/ Philosophy of Marxism and Leninism	R						R	I	R
Kinh tế chính trị Mác – Lênin/ Political Economics of Marxism and Leninism	R						R	I	R
Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific Socialism	R						R	I	R
Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh Thought	R						R	I	R
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam/ History of The Communist Party of Vietnam	R						R	I	R
Khoa học – Văn hóa									
Bắt buộc									
Viết luận Anh/ English Composition	R					R	R	I	

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
Pháp luật đại cương/ General Laws	I						R	R	I
Cơ sở văn hóa Việt Nam/ Fundamentals of Vietnamese Culture	I	I		I	I		I	I	I
Phương pháp nghiên cứu khoa học/ Scientific Research Methods	I	R		I	I		R	R	R
Xã hội học đại cương/ Introduction to Sociology	I	I		R	R		I	I	I
Môi trường và con người Environment and Human	I	I		R	R		I	I	
Tự chọn									
Các vấn đề xã hội đương đại/ Social Issues in Today's Society	I	I		R	R		R	R	I
Giao tiếp đa văn hóa/ Cross-Cultural Communication	I	I		I	I		R	R	I
Kinh tế học đại cương/ Introduction to Economics		I		R			R	R	R
Mỹ học đại cương/ Introduction to Aesthetics	I	R		R	R		R	R	R
Tâm lý học đại cương/ General Psychology	I				I		I	I	I
Tiếng Việt thực hành/ Vietnamese Practice	I			R	R		I	I	I
Tiếng Anh									
English Proficiency 1	R				R	R,A	R		
English Proficiency 2	R				R	M,A	R		
English Proficiency 3	R				R	M,A	R		
Tin học									
Công cụ xử lý hình ảnh/ Image Processing Tools	R		R			R	R		
Công cụ Quản lý dự án/ Project Management Tools	R		R			R	R		
Công cụ Phân tích trực quan & Dữ liệu/ Data Analytics and Visualization Tools	R		R			R	R		
II. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP									
Kiến thức cơ sở ngành									
Nhập môn Truyền thông/ Introduction to Communications		R	R		R		R	R	R
Marketing cơ bản/ Fundamentals of Marketing		I		R	R	R	M	M	M
Nhập môn Quan hệ công chúng/		I	R,A	I	I		R	R	R

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
Introduction to Public Relations									
Đạo đức và pháp luật nghề nghiệp/ Professional Ethics and Law of PR	R		R,A	R	R	R	R	R	R
Quản trị học/ Fundamentals of Management		I,A	R,A	R,A	R		R,A	R	R
Văn hóa doanh nghiệp/ Corporate Culture		I	R		R	R	M	M	M
Kiến thức chuyên ngành									
Bắt buộc									
Giao tiếp trong quan hệ công chúng/ Communication Skill for PR		R	R	R	R		M	M	M
PR nội bộ và cộng đồng/ PR in-house and PR mass		I	R	M		M	R	R	R
Kỹ năng viết trong Quan hệ công chúng/ Writing Skill for PR		R	R,A	R	R		R	R	M
Phân tích dữ liệu truyền thông/ Media Data Analysis		R	R,A	R	R,A		R	R	R
Photoshop		I	R	R		R	R	R	M
Nhiếp ảnh và quay phim/ Photography and Movies		I	R	R		R	R	R	R
Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn/ Communication Skills Interview Questions and Answer		R	R	R	R,A	R	M	M	M
Sản xuất chương trình phát thanh và truyền hình/ Production of radio-television programs		R	I	R	R		M	M	M
Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR/ PR Project Management		I,A	R	R	R		R	R	R
Tổ chức sự kiện và lễ hội/ Events and Festivals Planning		I	R	R	R		R	R	R
Quảng cáo/ Advertising		I	R	R	R		R	R	R
Xây dựng và quản trị thương hiệu Brand & Brand Management		I	R,A	R	R		R	R	R
Quản trị khủng hoảng truyền thông/ Communication Crisis Management		R	R,A	R	R		R	R	M
Tự chọn									
Nghệ thuật đàm phán và thương lượng/ Negotiation Skill		I	R	R	R		R	R	M

MÔN HỌC	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo								
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
Truyền thông số/ Digital Media		R	R		R	R	R	R	M
Truyền thông doanh nghiệp/ Corporate Communication		I	R	R	R		R	R	M
Trình bày sản phẩm truyền thông/ Communication Products		I	R	R	R		M	M	R
Dẫn chương trình/ Master Ceremonies		I	R		R	R	R	R	R
Nghệp vụ ngoại giao/ Diplomatic Protocol and Etiquette		I	R	R	R	R	R	R	R
Thực tập và khoá luận tốt nghiệp									
Thực tập tốt nghiệp/ Graduation Internship	R	R	R	R,A	R	R	R	M	M
Khóa luận tốt nghiệp/ Graduation Thesis	R	R	R	M	M	R	M	M	M
III. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH									
Bắt buộc, không tích lũy									
Giáo dục quốc phòng/ Defense Education	R						R	I	
Giáo dục thể chất / Physical Education	M						R	R	

Ghi chú: Đánh giá mức độ đóng góp, hỗ trợ của các học phần vào việc đạt được các PLO theo một trong ba mức: **I** (Introduced), **R** ((Reinforced), **M** (Mastery):

- **Mức I (Introduced):** Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức giới thiệu/bắt đầu;
- **Mức R (Reinforced):** Học phần có hỗ trợ đạt được PLO ở mức nâng cao hơn mức giới thiệu/bắt đầu. Ở học phần này, người học có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế ...;
- **Mức M (Mastery):** Học phần hỗ trợ mạnh mẽ người học đạt được PLO ở mức thành thục/thành thạo;

Học phần cốt lõi - A (Assessed): Học phần bắt buộc hỗ trợ tối đa việc đạt được các PLO. Đây là học phần có ý nghĩa tiên quyết đối với ngành đào tạo chính trong một chương trình, cần được thu thập dữ liệu để đo lường đánh giá mức người học đạt được PLO. Trong bảng ma trận, học phần cốt lõi được ký hiệu M,A hoặc R,A hoặc I,A.

9. Kế hoạch giảng dạy

STT	Mã HP	Tên môn học	Số tín chỉ	Phân bổ số giờ tính chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
Học kỳ 1								
1	2GEN0008	Pháp luật đại cương	2	30			70	

STT	Mã HP	Tên môn học	Số tín chỉ	Phân bổ số giờ tính chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
2	2PR1201	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30			70	
3	2PR1311	Nhập môn Truyền thông	3	45			105	
4	2PR1205	Giao tiếp đa văn hóa	2	30			70	
5	2PR1312	Marketing cơ bản	3	45			105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK1			12					
Tổng số tín chỉ HK1			12					
Học kỳ 2								
6	2PR2203	Xã hội học đại cương	2	30			70	
7	2PR2209	Tâm lý học đại cương	2	30			70	
8	2PR2202	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30			70	
9	2PR2313	Nhập môn Quan hệ công chúng	3	45			70	
10	2PR2314	Đạo đức và pháp luật nghề nghiệp	3	45			70	
11	2PR2317	Giao tiếp trong Quan hệ công chúng	3	45			105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK2			15					
Tổng số tín chỉ HK2			15					
Học kỳ hè - Năm 1								
12	2GEN0001	Giáo dục quốc phòng	11	165				Không tích lũy
13	2GEN0002	Giáo dục thể chất 1	1		30		20	Không tích lũy
14	2GEN0011	Triết học Mác - Lênin	3	45			105	
15	2PR3216	Văn hóa doanh nghiệp	2	30			70	
16	2PR3204	Môi trường và con người	2	30			70	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK hè - Năm 1			7					
Tổng số tín chỉ HK hè - Năm 1			19					
Học kỳ 3								
17	2GEN0002	Giáo dục thể chất 2	1		30		20	Không tích lũy
18	2LAN11453	English Proficiency 1	4	30	60		110	
19	2GEN2096	Công cụ xử lý hình ảnh	2	15	30		55	
20	2PR3315	Quản trị học	3	45			105	
21	2PR3318	PR nội bộ và cộng đồng	3	45			105	
22	2PR3319	Kỹ năng viết trong quan hệ công chúng	3	45			105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK3			15					
Tổng số tín chỉ HK3			16					
Học kỳ 4								

STT	Mã HP	Tên môn học	Số tín chỉ	Phân bổ số giờ tính chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
23	2GEN0002	Giáo dục thể chất 3	1		30		20	Không tích lũy
24	2LAN11454	English Proficiency 2	4	30	60		110	
25	2GEN0012	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			70	
26	2GEN2097	Công cụ Quản lý dự án	2	15	30		55	
27	2PR4320	Phân tích dữ liệu truyền thông	3	45			105	
28	2PR4321	Photoshop	3	45		105		
29	2PR4322	Nhiếp ảnh và quay phim	3	45		105		
Tổng số tín chỉ tích lũy HK4			17					
Tổng số tín chỉ HK4			18					
Học kỳ hè – Năm 2								
Sinh viên thực tập thực tế								
Học kỳ 5								
30	2GEN0002	Giáo dục thể chất 4	1		30		20	Không tích lũy
31	2LAN11455	English Proficiency 3	5	30	60		160	
32	2GEN3098	Công cụ Phân tích trực quan & Dữ liệu	2	15	30		55	
33	2GEN0013	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			70	
34	2PR5323	Phòng vấn và trả lời phỏng vấn	3	45			105	
35	2PR5324	Sản xuất chương trình phát thanh và truyền hình	3	45			105	
36	2PR5325	Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR	3	45			105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK5			18					
Tổng số tín chỉ HK5			19					
Học kỳ 6								
37	2GEN0002	Giáo dục thể chất 5	1		30		20	Không tích lũy
38	2ENG11491	Viết luận Anh	3	45			105	
39	2GEN0007	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			70	
40	2GEN0014	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			70	
41	2PR6326	Tổ chức sự kiện và lễ hội	3	45			105	
42	2PR6327	Quảng cáo	3	45			105	
43	2PR6328	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3	45			105	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK6			16					
Tổng số tín chỉ HK6			17					
Học kỳ Hè – Năm 3								
44	2PR7329	Quản trị khủng hoảng truyền	3	45			105	

STT	Mã HP	Tên môn học	Số tín chỉ	Phân bổ số giờ tính chỉ				Ghi chú
				Lý thuyết	Thực hành	Trải nghiệm	Tự học	
		thông						
45	2PR7330	Nghệ thuật đàm phán và thương lượng	3	45			105	
46	2PR7331	Truyền thông số	3	45			105	
47	2PR7233	Trình bày sản phẩm truyền thông	2	30			70	
Tổng số tín chỉ tích lũy HK6			11					
Tổng số tín chỉ HK6			11					
Học kỳ 7								
48	2CTS8331	Thực tập tốt nghiệp	3	45				
49	2CTS8749	Khoá luận tốt nghiệp	7	105				
Tổng số tín chỉ tích lũy HK 7			10					
Tổng số tín chỉ HK 7			10					

10. Mô tả môn học:

10.1. Triết học Mác-Lênin

Môn học cung cấp những hiểu biết cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, xác lập cơ sở lý luận để có thể tiếp cận nội dung các môn học Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học và Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; từng bước thiết lập thế giới quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành cần đào tạo.

10.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Môn học bao gồm 6 chương, trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin; từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

10.3. Chủ nghĩa Xã hội khoa học

Học phần có 7 chương, gồm những tri thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho người học: đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

10.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức có tính hệ thống về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa, tác phong Hồ Chí Minh. Giúp sinh viên hiểu rõ về hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề lớn của cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đến cách mạng xã hội chủ nghĩa với mục tiêu cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

10.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

10.6. Công cụ xử lý hình ảnh

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ứng dụng tin học trong quá trình thiết kế sản phẩm đồ họa. Học phần giới thiệu chi tiết các phương pháp ứng dụng phần mềm đồ họa Adobe Photoshop để thiết kế các sản phẩm quảng cáo, logo, các ấn phẩm đồ họa và trình bày một Poster đúng quy cách.

10.7. Công cụ quản lý dự án

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng nền tảng, cần thiết để khai thác, sử dụng hiệu quả các công cụ tin học ứng dụng trong việc tổ chức, quản lý dự án.

10.8. Công cụ Phân tích & Trực quan dữ liệu

Học phần trang bị cho sinh viên một quy trình phân tích dữ liệu và sử dụng thành thạo một công cụ chuyển đổi và trực quan dữ liệu, từ đó có được các tri thức để có thể ra quyết định hỗ trợ khả năng quản trị doanh nghiệp, dự báo, hoạch định chiến lược phát triển.

10.9. English Proficiency 1

Học phần hướng dẫn cách hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí. Học phần giúp sinh viên có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó.

10.10. English Proficiency 2

Học phần hướng dẫn cách hiểu được các ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Học phần giúp sinh viên giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ.

10.11. English Proficiency 3

Sau khi hoàn thành môn học sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí,... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó.

10.12. Viết luận Anh

Học phần trình bày cấu trúc, đặc điểm và hình thức của cách viết luận một cách hiệu quả cũng như quy trình viết một bài luận hoàn chỉnh. Học phần hướng dẫn cách tổ chức, các chi tiết cần thiết, các phần của một bài luận, các cụm từ phù hợp được sử dụng trong viết luận và các chủ điểm ngữ pháp thường được sử dụng trong các bài luận.

10.13. Pháp luật đại cương

Môn học trang bị cho người các kiến thức cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật, bao gồm: lý luận chung về nhà nước và pháp luật (nguồn gốc, bản chất, chức năng, đặc trưng cơ bản của nhà nước; nguồn gốc, hình thức, khái niệm, thuộc tính của pháp luật); hệ thống pháp luật và quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; các chế định luật cơ bản của một số ngành luật quan trọng.

10.14. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề khái quát về văn hóa, diễn trình, các phân vùng và đặc điểm Văn hóa Việt Nam trên các lĩnh vực; nhằm giáo dục ý thức giữ gìn phát huy những tinh hoa văn hóa dân tộc, có bản lĩnh vững vàng khi tiếp biến giao lưu với bên ngoài.

10.15. Xã hội học đại cương

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về môn xã hội học; đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học; sơ lược về sự hình thành, phát triển của xã hội học

10.16. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Môn học cung cấp cho người học kiến thức căn bản về nghiên cứu khoa học, cách thu thập tài liệu, xây dựng đề cương và triển khai thực hiện đề tài nghiên cứu, viết báo cáo và bài báo khoa học.

10.17. Môi trường và con người

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về hệ sinh thái, khoa học môi trường, quá trình phát triển của con người và tác động của con người đến môi trường, mối tương tác giữa con người và môi trường, nhận biết các tác động tiêu cực của con người đối với môi trường và hậu quả của nó, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường hướng đến phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội một cách bền vững.

10.18. Các vấn đề xã hội đương đại

Môn học cung cấp kiến thức về thực trạng, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa một số vấn đề xã hội đang xảy ra trong xã hội hiện nay như: Bạo lực học đường, Vị thành niên phạm tội, Giới trẻ và các chất gây nghiện, Truyền thông, Tình yêu - hôn nhân - Gia đình, Giới và Bình đẳng giới, Stress. Một số vấn đề về lao động và việc làm.

10.19. Giao tiếp đa văn hóa

Môn học cung cấp một cách tiếp cận với những nền văn hóa xa lạ, giúp người học thay đổi quan niệm về bối cảnh giao tiếp trong giai đoạn hiện nay và từ đó tiến hành giao tiếp có hiệu quả hơn trong công việc. Cách tiếp cận này kết hợp thế mạnh của 2 lĩnh vực: giao tiếp liên văn hóa (intercultural communication)- đặt nền tảng trên các lý thuyết về tâm lý học và các lĩnh vực liên quan- và kinh doanh quốc tế (international business).

10.20. Kinh tế học đại cương

Môn học nằm trong khối kiến thức đại cương và tự chọn dành cho sinh viên chuyên ngành Tâm lý học. Mục đích chính yếu của môn học là cung cấp những kiến thức về sự vận hành của nền kinh tế, các quy luật, nguyên lí kinh tế cơ bản, tiếp cận tư duy phân tích của một nhà kinh tế đối với các sự kiện kinh tế thông qua các mô hình và cách thức ứng xử của từng thành viên trong nền kinh tế trên cả giác độ vi mô lẫn vĩ mô.

Nội dung chính của môn học bao gồm hai phần: Kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô. Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về: lý thuyết cầu, cung và cơ chế hình thành giá cả trên thị trường; lý thuyết hành vi của người người sản xuất và tiêu dùng; phương pháp hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quyết định sản lượng; tổng cầu và sản lượng cân bằng; lạm phát và thất nghiệp; các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ.

10.21. Mỹ học đại cương

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mối quan hệ thẩm mỹ của con người đối với hiện thực, trong đó nghệ thuật là nơi tập trung nhất mối quan hệ thẩm mỹ. Xác định những yếu tố của ý thức thẩm mỹ, các phạm trù cơ bản của Mỹ học.

10.22. Tâm lý học đại cương

Học phần Tâm lí học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, hệ thống về các hiện tượng tâm lí, những hiểu biết về quá trình nhận thức, cảm xúc, tình cảm và ý chí và hiểu được bản chất nhân cách của con người.

10.23. Tiếng Việt thực hành

Môn học Tiếng Việt thực hành trang bị cho sinh viên các kiến thức chung và chuyên sâu về Tiếng Việt - ngôn ngữ mẹ đẻ; rèn luyện kỹ năng viết chính tả, dùng từ, đặt câu, xây dựng văn bản nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học các học phần có liên quan và trong công tác soạn thảo văn bản sau này.

10.24. Nhập môn Truyền thông

Môn học trang bị cho sinh viên những khái niệm và kiến thức lý luận cơ bản về truyền thông; các nguyên tắc hoạt động, các qui trình, phương tiện, hình thức hoạt động và chức năng của truyền thông đại chúng. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ hiểu sâu sắc hơn về bản chất, vai trò của truyền thông trong xã hội, hình thành được ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình học tập và thực hành truyền thông.

10.25. Marketing cơ bản

Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản và kỹ năng đặc thù về lĩnh vực marketing: vai trò của marketing trong hoạt động sản xuất kinh doanh; phân tích môi trường marketing; tìm hiểu hành vi người tiêu dùng; phân khúc thị trường và xác định thị trường mục tiêu; định vị thị trường; chiến lược sản phẩm; chiến lược giá; chiến lược phân phối; chiến lược chiêu thị; tổ chức và kiểm tra hoạt động marketing. Môn học là nền tảng để sinh viên tiếp tục phát triển và nghiên cứu sâu hơn về các lĩnh vực chuyên sâu trong marketing, như tiếp thị số, quản lý thương hiệu, và tiếp thị chiến lược.

10.26. Nhập môn Quan hệ công chúng

Nhập môn Quan hệ Công chúng là môn học cung cấp kiến thức cơ bản về Quan hệ Công chúng. Môn học đề cập đến những nội dung, quy trình và công cụ chính được sử dụng trong lĩnh vực PR. Nội dung của môn học bao gồm: PR và vai trò của nó trong hoạt động của doanh nghiệp; Quy trình hoạch định chương trình PR; Các công cụ thực thi chính của PR; Đánh giá hiệu quả chương trình PR. Ngoài ra, môn học còn giúp người học tìm hiểu các hoạt động PR cụ thể trong doanh nghiệp và những yêu cầu đối với người làm nghề PR. Trong quá trình học, sinh viên sẽ trao đổi và thảo luận, đồng thời giải quyết vấn đề theo tình huống.

10.27. Đạo đức và pháp luật nghề nghiệp

Môn học cung cấp cho sinh viên tìm hiểu những kiến thức cơ bản về pháp luật và đạo đức truyền thông, quản lý nhà nước đối với hoạt động truyền thông, các khái niệm cũng như các quy định pháp luật cụ thể về hoạt động truyền thông; trách nhiệm pháp lý của cơ quan báo chí, nhà báo, độc giả, khán thính giả, nhà xuất bản... trong lĩnh vực truyền thông. Môn học còn hướng cho sinh viên tìm hiểu kiến thức cơ bản về đạo đức nghề báo, các quy tắc ứng xử của của những cá nhân tổ chức làm truyền thông.

10.28. Quản trị học

Môn học cung cấp cho người học những nguyên lý và kỹ thuật cần thiết được thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành các tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với khái niệm quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những khía cạnh của môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức cùng với tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Nguyên tắc, hình thức, nội dung các nguồn thông tin; công tác quản trị thông tin như thế nào? Các mô hình và khái niệm cơ bản được các nhà quản trị trong tổ chức sử dụng để đưa ra các quyết định.

10.29. Văn hóa doanh nghiệp

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức có hệ thống về bản chất và vai trò của văn hóa kinh doanh nghiệp tổng các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường kinh doanh năng động. Môn học sẽ phân tích mối liên hệ với các hoạt động và vấn đề quan trọng khác trong doanh nghiệp như thương hiệu, lợi thế cạnh tranh để người học có cái nhìn tổng thể và hệ thống về văn hóa doanh nghiệp.

10.30. Giao tiếp trong quan hệ công chúng

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản kết hợp các bài tập thực hành trong và ngoài lớp về các nguyên tắc ứng xử trong giao tiếp với các bối cảnh khác nhau. Từ đó hình thành thái độ tích cực, tự tin trong giao tiếp nhằm đạt hiệu quả cao nhất, cũng như ảnh hưởng của thái độ này đến các đối tượng khác trong quá trình giao tiếp.

10.31. PR nội bộ và cộng đồng

Học phần nghiên cứu mối quan hệ giữa tổ chức, doanh nghiệp với các nhóm công chúng bên trong và bên ngoài tổ chức. Học phần trang bị cho người học những kiến thức nền tảng tổng quan về quan hệ công chúng nội bộ và cộng đồng: khái niệm, vai trò, nhiệm vụ, chức năng, các nhóm công chúng đặc thù; các phương thức xây dựng, tổ chức hoạt động của quan hệ công chúng nội bộ và cộng đồng; phát triển thương hiệu thông qua chiến lược

quan hệ công chúng nội bộ và cộng đồng; quản trị khủng hoảng trong quan hệ công chúng nội bộ và cộng đồng. Học phần phát triển tư duy tích hợp liên ngành giữa hoạt động quan hệ công chúng với hệ thống tổ chức nội bộ của doanh nghiệp, các hoạt động CSR bên ngoài doanh nghiệp. Đồng thời, học phần trang bị các kỹ năng: giao tiếp truyền thông, thuyết trình.... nhằm hỗ trợ tổ chức thực hiện hoạt động quan hệ công chúng hiệu quả.

10.32. Kỹ năng viết trong Quan hệ công chúng

Môn học cung cấp các công cụ và kỹ thuật cần thiết để viết một bài viết trong lĩnh vực quan hệ công chúng thu hút đối với các độc giả khác nhau, cập nhật các thể loại nội dung khác nhau theo kênh truyền thông, biên tập nội dung phù hợp theo định dạng yêu cầu. Học phần cũng rèn luyện khả năng viết các sản phẩm quan hệ công chúng như thông cáo báo chí, diễn viên, phát ngôn, văn bản công bố, các thể loại phù hợp với mục tiêu của hoạt động quan hệ công chúng.

10.33. Phân tích dữ liệu truyền thông

Phân tích dữ liệu truyền thông là một quá trình tìm kiếm các thông tin (tri thức) để có thể áp dụng, làm chứng cứ khoa học vào việc giải thích một loạt các sự kiện, hiện tượng. Để làm được điều này, nhà phân tích dữ liệu truyền thông phải xác định được “nguồn thông tin-dữ liệu” có thể thu thập và phân tích. Khi đã xác định được nguồn (mẫu khảo sát), nhà phân tích dữ liệu truyền thông phải lựa chọn phương pháp và kỹ thuật nào để tiến hành thu thập thông tin cách nào để lưu trữ, xử lý thông tin với độ tin cậy cao nhất. Trên thực tế, việc sử dụng các phương pháp thu thập thông tin định lượng và định tính hoặc kết hợp cả hai (hiện nay là phổ biến) là tùy thuộc vào từng đề tài, vấn đề phân tích dữ liệu truyền thông. Học phần này sẽ giúp cho SV nắm được những vấn đề căn bản nhất của hai phương pháp và kỹ thuật thu thập thông tin định lượng và định tính trong phân tích dữ liệu truyền thông.

10.34. Photoshop

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản để sinh viên làm quen với thiết kế, vẽ trên máy tính, sử dụng phần mềm photoshop để thiết kế, chỉnh sửa ảnh.

10.35. Nhiếp ảnh và quay phim

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về cách sử dụng máy ảnh kỹ thuật số, những yếu tố, dụng cụ, linh kiện phục vụ tốt trong nhiếp ảnh, các kỹ thuật nhiếp ảnh và quay phim cơ bản: sử dụng máy, bố cục khuôn hình, chọn góc độ, ánh sáng, bấm máy, hoàn thiện tác phẩm, trình bày sản phẩm,...

10.36. Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn

Môn học trang bị cho sinh viên nắm được lý thuyết về phỏng vấn và trả lời phỏng vấn trong lĩnh vực báo chí, truyền thông, PR như các khái niệm về phỏng vấn, trả lời phỏng vấn, nội dung và ý nghĩa của một buổi phỏng vấn; Vị trí, vai trò của phỏng vấn trong báo chí, truyền thông; Phân biệt phỏng vấn với các thể loại báo chí khác; Bố cục của một bài phỏng vấn, cách đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi, cách viết bài phỏng vấn có độ tin cậy cao và hấp dẫn với bạn đọc. Đồng thời trang bị cho sinh viên có các kỹ năng tác nghiệp phỏng vấn, trả lời phỏng vấn của báo chí và truyền thông, giải quyết các tình huống nảy sinh.

10.37. Sản xuất chương trình phát thanh và truyền hình

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, nguyên lý, vị trí, vai trò, chức năng, lịch sử ra đời và phát triển, các dạng chương trình và quy trình, công nghệ sản xuất chương trình phát thanh - truyền hình; rèn luyện cho sinh viên những thao tác nghiệp vụ cơ bản của phóng viên phát thanh - truyền hình. Quy trình học kết hợp lý thuyết và thực hành giúp sinh viên nắm được thực tiễn hoạt động sản xuất chương trình phát thanh - truyền hình ở Việt Nam hiện nay; vận dụng những kiến thức lý luận vào việc thực hiện một số thể loại phát thanh và tổ chức sản xuất chương trình phát thanh - truyền hình truyền thống và hiện đại.

10.38. Hoạch định chiến lược và quản trị chương trình PR

Môn học cung cấp kiến thức tổng quát về việc áp dụng các quy trình, công cụ và kỹ thuật khi thực hiện và triển khai một dự án PR. Môn học sẽ trình bày các khía cạnh trong hoạt động quản lý dự án, từ việc khởi động dự án suôn sẻ cho đến việc tạo động lực thúc đẩy mọi người vượt qua trở ngại, để dự án được diễn ra thật suôn sẻ và hiệu quả. Môn học cũng giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn về hoạt động PR trong một doanh nghiệp và những yêu cầu cần thiết đối với một người làm PR chuyên nghiệp.

10.39. Tổ chức sự kiện và lễ hội

Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về tổ chức sự kiện và lễ hội để giúp cho sinh viên có thể lên kế hoạch và tổ chức một số sự kiện quy mô nhỏ. Với những bài tập thực hành và qua gặp gỡ với một số chuyên viên tổ chức sự kiện, sinh viên sẽ làm quen với công việc tổ chức sự kiện cũng như có thêm những kinh nghiệm cho hoạt động tổ chức sự kiện trong nhiều lĩnh vực. Sinh viên trang bị những kỹ năng cần thiết để trở thành những nhà tổ chức sự kiện và lễ hội chuyên nghiệp, có khả năng làm việc trong các công ty tổ chức sự kiện, quảng cáo, du lịch, khách sạn, hay tổ chức các sự kiện doanh nghiệp và chính phủ.

10.40. Quảng cáo

Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về quảng cáo (định nghĩa, vai trò, chức năng, lịch sử của quảng cáo, vấn đề văn hóa và đạo đức trong quảng cáo); tổ chức hoạt động của phòng quảng cáo và công ty quảng cáo; đặc điểm của quảng cáo trên các phương tiện báo in, radio, truyền hình, cinema; quảng cáo ngoài trời và trên các phương tiện giao thông công cộng; các loại hình quảng cáo khác; kế hoạch sử dụng các phương tiện truyền thông cho quảng cáo; quảng cáo ở Việt Nam.

10.41. Xây dựng và quản trị thương hiệu

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về thương hiệu công ty và nhãn hiệu sản phẩm, vai trò và chức năng của thương hiệu, quy trình xây dựng thương hiệu, các chiến lược phát triển thương hiệu, định vị thương hiệu; cách thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu, các chiến lược marketing hỗn hợp nhằm xây dựng và quảng bá thương hiệu; cách xây dựng một chương trình quảng bá thương hiệu và nhãn hiệu của một sản phẩm mới; các vấn đề pháp lý về bảo vệ thương hiệu, nhãn hiệu, phương pháp đo lường và định giá thương hiệu.

10.42. Quản trị khủng hoảng truyền thông

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về mối quan hệ giữa báo chí và truyền thông, qua đó, sinh viên có thể hình dung về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của báo chí trong công tác truyền thông. Sinh viên đạt được những kỹ năng cơ bản để tham gia vào lĩnh vực truyền thông, đặc biệt trong công tác quan hệ báo chí, truyền thông, xử lý khủng hoảng truyền thông, biết được nguyên nhân khủng hoảng xảy ra, cách nhận diện khủng hoảng, nắm được các bước trong quy trình xử lý khủng hoảng, học tập cách xử lý khủng hoảng từ những case - studies. Sinh viên sẽ có những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện kế hoạch quản trị rủi ro, khủng hoảng truyền thông và thiết lập mối quan hệ báo chí.

10.43. Nghệ thuật đàm phán và thương lượng

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về phân tích đàm phán thương lượng trong kinh doanh, cách tổ chức thương lượng, các nguyên tắc và kỹ năng giao tiếp trong thương lượng. Sinh viên được hướng dẫn nghiên cứu về lý thuyết lẫn thực hành với những kinh nghiệm thực tiễn sinh động qua các cuộc thương lượng điển hình trong kinh doanh để xác định một ý thức rõ ràng về nhu cầu tự rèn luyện kỹ thuật - nghệ thuật thương lượng.

10.44. Truyền thông số

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các loại hình truyền thông số hiện nay, tình hình phát triển chung trên thế giới và ở Việt Nam, các công nghệ và xu hướng phát triển mới của truyền thông thế giới. Qua đó, sinh viên có thể hình dung về vị trí và vai trò của truyền thông số hiện nay và những vấn đề xung quanh nó. Đồng thời, cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để tham gia vào lĩnh vực truyền thông số. Sinh viên nắm vững những kiến thức lý thuyết và kỹ năng cần thiết để thực hiện các sản phẩm truyền thông số.

10.45. Truyền thông doanh nghiệp

Môn học giới thiệu các khái niệm và thuật ngữ chuyên dụng trong lĩnh vực truyền thông doanh nghiệp. Sinh viên được cung cấp những kiến thức và kỹ năng để xác định và phân tích các thành tố quan trọng tác động đến hình ảnh và thương hiệu của một doanh nghiệp hoặc tổ chức. Sinh viên vận dụng kiến thức và kỹ năng để lập chiến lược, vận hành và quản trị các kế hoạch truyền thông hiệu quả, sử dụng các công cụ truyền thông hiện đại, lựa chọn phương thức tương tác, thiết lập và duy trì tốt các mối quan hệ với các bên liên quan. Sinh viên được hướng dẫn các phương pháp thực hành nghiên cứu, phân tích, đánh giá các chiến lược truyền thông cụ thể của các doanh nghiệp và tổ chức tại thị trường Việt Nam và trên thế giới, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân và nghề nghiệp trong tương lai.

10.46. Trình bày sản phẩm truyền thông

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các sản phẩm truyền thông hiện nay và những kỹ năng cần thiết để thiết kế và sản xuất các dạng sản phẩm truyền thông khác nhau. Trong đó, môn học tập trung vào việc thiết kế và xây dựng những kỹ năng cần thiết cho việc thiết kế bộ nhận diện thương hiệu, quảng cáo truyền thông cho thương hiệu/sản phẩm/dịch vụ. Sinh viên thực hành làm đồ án với sản phẩm đầu ra là bộ nhận diện thương hiệu cụ thể.

10.47. Dẫn chương trình

Học phần cung cấp những kiến thức về yêu cầu cơ bản, nhiệm vụ đối với người dẫn chương trình (trong chương trình không có khán giả - khi dẫn ở trường quay hay dẫn hiện trường, trong các chương trình đối thoại truyền hình); các bước chuẩn bị, phương pháp viết lời dẫn, nghệ thuật đặt câu hỏi, phong cách dẫn,....

10.48. Nghiệp vụ ngoại giao

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngoại giao và lãnh sự (các thuật ngữ, khái niệm, lược sử ngoại giao...); kỹ năng về lễ tân đối ngoại bằng Công ước Viên 1961 và 1963; các kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiệp vụ lễ tân ngoại giao (khái niệm, vai trò, tính chất, nguyên tắc, yêu cầu...), đón tiếp phái đoàn ngoại giao (công tác đón tiếp, sắp xếp chỗ ngồi, ngôi thứ và chỗ ngồi), thực hiện các nghi lễ ngoại giao (chiêu đãi, phát biểu, trang phục...); phép lịch sự xã giao (cách chào hỏi, bắt tay, giới thiệu, cách nói chuyện...) và kỹ năng thuyết trình, đàm phán ngoại giao.

10.49. Thực tập tốt nghiệp

Sinh viên thực tập tại các doanh nghiệp sản xuất, công ty, tổ chức liên quan truyền thông, tòa soạn báo trong cả nước để học hỏi, tham gia vào công tác sản xuất tin, bài báo chí để có kiến thức và những trải nghiệm thực tế với công việc Quan hệ công chúng. Sinh viên thực hiện công việc chuyên môn của chuyên ngành được đào tạo dưới sự hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn thực tế của đơn vị và của giảng viên trực tiếp phụ trách; sau đó, sinh viên sẽ được hướng dẫn viết một báo cáo thực tập theo yêu cầu và nội dung của môn học.

10.50. Khóa luận tốt nghiệp

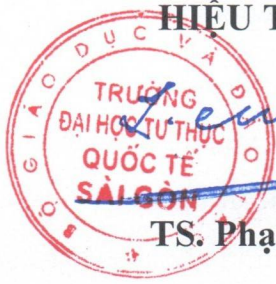
Khóa luận tốt nghiệp là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Quan hệ công chúng. Môn học rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tự học, nghiên cứu và thể hiện sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực PR thông qua việc thực hiện một dự án nghiên cứu hoặc chiến dịch PR thực tế, viết báo cáo và thuyết trình trước ban giám khảo. Sinh viên được hướng dẫn về phương pháp nghiên cứu khoa học, tổng hợp và phân tích dữ liệu, viết báo cáo khoa học và thuyết trình. Đồng thời, học phần còn rèn luyện đạo đức trong nghiên cứu, ý thức tự chủ trong học tập, giúp sinh viên tự tin phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực quan hệ công chúng.

13.52. Giáo dục quốc phòng và an ninh

Giáo dục một số nội dung cơ bản về đường lối quân sự của Đảng, công tác quốc phòng, an ninh. Quân sự chung, tổ chức quân, binh chủng.

13.53. Giáo dục thể chất

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lĩnh vực GDTC, những kiến thức TĐTT, kiến thức về nội dung thể dục, điền kinh (tác dụng của thể dục đối với việc rèn luyện thân thể, chạy cự ly trung bình), kiến thức về rèn luyện thân thể.



HIỆU TRƯỞNG *Phạm Quý Ty*

TS. Phạm Quý Ty

P.TRƯỞNG KHOA

Hoàng Văn Việt

PGS.TS. Hoàng Văn Việt